

Bản án số: 83/2023/DS-ST

Ngày: 26/9/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Kim Loan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 192/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A1).

Địa chỉ: D N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc Phòng quản lý nợ

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Nhật A, sinh năm 1987 – Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Á. Địa chỉ: Lầu H, tòa nhà A, D, C, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: 1/ Ông Mai Thành T, sinh năm 1984; (vắng có đơn).

2/ Bà Lê Thị T1, sinh năm 1986 (vắng có đơn).

Cùng địa chỉ: số C, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ông Mai Nhật A (là đại diện theo ủy quyền của ngân hàng TMCP Á) trình bày:

Ngày 07/7/2021, Ngân hàng TMCP Á (Ngân hàng) và bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T có ký hợp đồng cấp tín dụng số BRI.CN.2565.070721, có nội dung như sau: Số tiền cho vay 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng có tài sản bảo đảm – Mua sắm trang thiết bị/vật dụng sinh hoạt gia đình – Tiêu dùng mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sửa chữa nhỏ nhà ở; Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Phương thức giải ngân được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; Thời hạn cho vay 120 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; Thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho bà T1, ông T theo khế ước nhận nợ số 339982569 ngày 08/7/2021 số tiền giải ngân là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng); Lãi suất trong hạn: 11,6%/năm, cố định trong 03 tháng, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Ngày 01/6/2022, Ngân hàng TMCP Á có cấp tín dụng cho bà Lê Thị T1 căn cứ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/5/2022, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, các văn bản khác của bà Lê Thị T1 về việc sử dụng thẻ tín dụng chi tiết như sau: số thẻ tín dụng 356795** *****7702; ngày cấp 01/6/2022; loại thẻ JCB GOLD (thẻ tín dụng quốc tế); hạn mức thẻ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); hiệu lực thẻ đến ngày 01/6/2025; lãi suất, phí theo bản các Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A1- là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng bà Lê Thị T1 và ông Mai Thành T đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BRI.BĐCN.179.070721 ngày 07/7/2021 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/7/2021 và cam kết thế chấp tài sản ngày 07/7/2021 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã A (nay là thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T1, ông T đã vi phạm hợp đồng, không

thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận đã được giao kết trong hợp đồng. Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên, ngày 13/02/2023, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ các khoản vay trên.

Tạm tính đến ngày 07/4/2023 bà T1, ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 659.669.952đ (trong đó nợ gốc là 627.499.767đ, lãi trong hạn là 17.881.540đ; lãi quá hạn 13.963đ, lãi phạt chậm trả lãi 325.448đ.

Đến ngày xét xử sơ thẩm, Ngân hàng yêu cầu bà T1, ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 26/9/2023 tổng số tiền là 726.519.132 đồng (trong đó nợ gốc là 627.499.767đ (gốc của hợp đồng tín dụng 600.839.000đ, gốc của thẻ tín dụng 26.660.767); lãi trong hạn là 17.881.540đ (lãi của hợp đồng tín dụng là 17.881.540đ, lãi của thẻ tín dụng là 0đ); lãi quá hạn 78.766.914đ (lãi của hợp đồng tín dụng là 73.699.663đ, lãi của thẻ tín dụng là 5.067.251đ); lãi phạt chậm trả lãi 2.370.911đ (lãi của hợp đồng tín dụng 2.370.911đ, lãi của thẻ tín dụng 0đ)). Đồng thời Ngân hàng yêu cầu tính lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi bà T1, ông T trả xong nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Ngân hàng không đồng ý cho phía bị đơn trả dần.

Trường hợp bà T1, ông T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã A (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BRI.BĐCN.179.070721 ngày 07/7/2021 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/7/2021 và cam kết thế chấp tài sản ngày 07/7/2021 để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, bà Lê Thị T1 và ông Mai Thành T trình bày:

Bà T1 và ông T thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Á số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng), hình thức trả dần hàng tháng tiền gốc + lãi. Do công việc làm ăn thất bại nên vào khoảng tháng 8/2022 vợ chồng bà T1, ông T đã ngưng thanh toán tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng đã thỏa thuận cho phía Ngân hàng. Bà T1, ông T thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/4/2023 là 659.669.952 đồng đúng như Ngân hàng đã khởi kiện. Bà T1, ông T xin ngân hàng cho bà T1, ông T trả dần số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công

khai các chứng cứ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông T.

[2] *Về nội dung:* Hợp đồng cấp tín dụng số BRI.CN.2565.070721 ngày 07/7/2021; khế ước nhận nợ số 339982569 ngày 08/7/2021; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 23/5/2022; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Á được xác lập giữa Ngân hàng TMCP Á và bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối ép buộc nên có hiệu lực thi hành với các bên. Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng số BRI.CN.2565.070721 ngày 07/7/2021 và khế ước nhận nợ số 339982569 ngày 08/7/2021; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 23/5/2022; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Á; bảng tính lãi theo tài khoản ngày 18/9/2023 của Ngân hàng đủ cơ sở xác định bà T1, ông T có vay của Ngân hàng TMCP Á số tiền là 700.000.000đ (Bảy triệu đồng), bà T1, ông T đã nhận đủ tiền vay vào ngày 08/7/2021 và thẻ tín dụng số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận đủ tiền từ Ngân hàng đến tháng 8 năm 2022 ông T, bà T1 đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về thanh toán nợ gốc, lãi cho phía Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Ngày 13/02/2023 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với các khoản vay của bà T1, ông T nhưng bà T1, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1, ông T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 26/9/2023 số tiền là 726.519.132đ (Bảy trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm mười chín nghìn, một trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 627.499.767đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), lãi trong hạn là 17.881.540đ (Mười bảy triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi đồng); lãi quá hạn 78.766.914đ (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm mười bốn đồng); lãi phạt chậm trả lãi 2.370.911đ (Hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười một đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với Điều 2 trong các hợp đồng tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Á và quy định pháp luật tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà T1, ông T không được phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đông ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về yêu cầu tính lãi tiếp tục theo hợp đồng: Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi bà T1, ông T trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong BRI.CN.2565.070721 ngày 07/7/2021; khế ước nhận nợ số 339982569 ngày 08/7/2021; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 23/5/2022; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Á là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BRI.BĐCN.179.070721 ngày 07/7/2021 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/7/2021 và cam kết thế chấp tài sản ngày 07/7/2021 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã A (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre được đôi bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, có đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành. Ngân hàng yêu cầu khi bản án có hiệu lực pháp luật bà T1, ông T không trả được nợ hoặc trả không đủ số nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã A (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp đã ký là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T phải nộp án phí là 33.060.765 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 317, Điều 319, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á. Buộc bà Lê Thị T1 và ông Mai Thành T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền tính đến ngày 26/9/2023 là 726.519.132đ (B trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm mười chín nghìn, một trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 627.499.767đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), lãi trong hạn là 17.881.540đ (Mười bảy triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi đồng); lãi quá hạn 78.766.914đ (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm mười bốn đồng); lãi phạt chậm trả lãi 2.370.911đ (Hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, chín trăm mười một đồng).

2. Bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2023 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á với mức lãi suất được thỏa thuận tại BRI.CN.2565.070721 ngày 07/7/2021; khế ước nhận nợ số 339982569 ngày 08/7/2021; giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 23/5/2022; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Á đến khi thanh toán xong nợ.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ nợ cho Ngân hàng TMCP Á, thì Ngân hàng TMCP Á có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã A (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BRI.BĐCN.179.070721 ngày 07/7/2021 và cam kết thế chấp tài sản ngày 07/7/2021.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T1, ông Mai Thành T phải nộp số tiền án phí 33.060.765đ (Ba mươi Bệu, không trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.193.500đ (Mười lăm triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004243 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi Cục THADS huyện B;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Long